

NGHỊ QUYẾT

**Quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn (xóm),
tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng đối với
cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;*

*Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ
quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng
đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;*

*Xét Tờ trình số 296/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn (xóm),
tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng
nhân dân tỉnh; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các
Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp
thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định
số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố,
cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên
địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với
nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản; mức thù lao hằng tháng
đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố.
2. Cô đỡ thôn, bản.
3. Cộng tác viên dân số.
4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản

1. Mỗi thôn (xóm), tổ dân phố được bố trí 01 (một) nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố hoặc cô đỡ thôn, bản.
2. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản như sau:

Tiêu chí thôn (xóm), tổ dân phố	Mức hỗ trợ hằng tháng (Theo mức lương cơ sở)
Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Thôn (xóm) có từ 350 hộ gia đình trở lên	0,7
Thôn (xóm) đặc biệt khó khăn; Thôn (xóm) tại các xã vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền	0,7
Các thôn (xóm), tổ dân phố còn lại	0,5

Điều 4. Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số

Tiêu chí thôn (xóm), tổ dân phố	Mức thù lao hằng tháng (Theo mức lương cơ sở)
Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Thôn (xóm) có từ 350 hộ gia đình trở lên	0,5
Thôn (xóm) đặc biệt khó khăn; Thôn (xóm) tại các xã vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền	0,5
Các thôn (xóm), tổ dân phố còn lại	0,4

Điều 5. Quy định về kiêm nhiệm

1. Nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản hoặc cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số được hưởng mức thù lao kiêm nhiệm hằng tháng bằng 50% mức thù lao quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Trường hợp nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản hoặc cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số, đồng thời kiêm nhiệm các chức danh khác được hưởng phụ cấp, hỗ trợ, thù lao từ ngân sách nhà nước thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp, hỗ trợ, thù lao kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm, được ngân sách cấp tỉnh giao trong dự toán hằng năm cho cấp xã để thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Điều 9 Nghị quyết số 42/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn (xóm), tổ dân phố; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số có hiệu lực thi hành. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2026./ ✓

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Y tế (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

✓

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Lương